

Số: /GPMT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1565/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tư Sy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường 0122/HL-CCNTS ngày 22/01/2026 và số 1504/XLHL-TS ngày 15/04/2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 607/TTr-SNNMT ngày 27/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long, địa chỉ tại số 248 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tư Sy tại xã Nga Thắng và xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tư Sy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Nga Thắng và xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nga Thắng và xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0104770740, đăng ký lần đầu ngày 24/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/12/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính TP Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0104770740.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Tư Sy theo Quyết định số 4370/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá gồm: Cơ khí; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến nông, lâm sản (không bao gồm loại hình sản xuất giấy, bột giấy); sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; sản xuất hàng tiêu dùng; may mặc, da giày; điện, điện tử... và các ngành nghề khác có liên quan được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành VSIC cấp 2, 3, 4, 5	Tên ngành nghề (Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
1	Nhóm ngành cơ khí	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
		2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
		2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại;
		2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
		2593	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
		2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
		C33	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
2	Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng	2310	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh
		2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
		2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
		2393	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
		2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
		2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

		2396	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
		2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
3	Nhóm ngành chế biến nông, lâm sản	10	Sản xuất, chế biến thực phẩm
		101	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
		102	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
		103	Chế biến và bảo quản rau quả
		104	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
		105	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
		106	Xay xát và sản xuất bột
		107	Sản xuất thực phẩm khác
		108	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
		110	Sản xuất đồ uống
4	Nhóm ngành thời trang may mặc và giày da	141	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
		143	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
		1512	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm
		1520	Sản xuất giày, dép
5	Nhóm ngành sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp	281	Sản xuất máy thông dụng
		282	Sản xuất máy chuyên dụng
6	Nhóm ngành điện, điện tử	2610	Sản xuất linh kiện điện tử
		2630	Sản xuất thiết bị truyền thông
		2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
		2652	Sản xuất đồng hồ
		2660	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp
		271	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
		272	Sản xuất pin và ắc quy
		273	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn
		2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
		2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
		2790	Sản xuất thiết bị điện khác

7	Nhóm Sản xuất Phương tiện vận tải	C29	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
		C30	Sản xuất phương tiện vận tải khác
8	Nhóm Sản xuất Nội thất	C31	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
9	Nhóm Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	322	Sản xuất nhạc cụ
		323	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao
		324	Sản xuất đồ chơi, trò chơi
		329	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 123.997,4 m².
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại phụ lục IV Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 10/5/2026 đến ngày 10/5/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Nga Thắng, UBND xã Nga Sơn theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND các xã: Nga Thắng, Nga Sơn (để theo dõi);
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải vệ sinh tại nhà điều hành dịch vụ Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) sau khi được xử lý sơ bộ.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Kênh mương Hoa Tuệ phía Đông dự án thuộc địa phận xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa, sau đó chảy ra sông Lèn.

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- Kênh mương Hoa Tuệ, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2208632; Y = 600175 (m) (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

(Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường).

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 600 m³/ngày.đêm (24giờ).

2.4. *Phương thức xả nước thải:*

- Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung được dẫn qua bể khử trùng trước khi tự chảy vào kênh mương Hoa Tuệ phía Đông dự án.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. *Chế độ xả nước thải:* Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

- Từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,1, như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần (không áp dụng khi đáp ứng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT)	Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý
2	pH	-	5,5-9		
3	COD	mg/l	148,5		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
6	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
7	Màu	Pt/Co	150	03 tháng/lần	Không phải lắp đặt
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5		
9	Asen (As)	mg/l	0,099		
10	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0099		
11	Chì (Pb)	mg/l	0,495		
12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,099		
13	Crom (VI)	mg/l	0,099		
14	Crom (III)	mg/l	0,99		
15	Đồng (Cu)	mg/l	1,98		
16	Kẽm (Zn)	mg/l	2,97		
17	Niken (Ni)	mg/l	0,495		
18	Mangan (Mn)	mg/l	0,99		
19	Sắt (Fe)	mg/l	4,95		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
21	Sunfua	mg/l	0,495		
22	Florua	mg/l	9,9		
23	Tổng nitơ	mg/l	39,6		
24	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	5,94		
25	Coliform	MPN/100 ml	5000		

- Từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT, cột B, như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng (đầu vào, đầu ra)	m ³	-	Không phải thực hiện	Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	≤ 6-9		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	COD	mg/l	≤ 90		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
7	Màu	Pt/Co	≤ 100	03 tháng/lần	Không phải lắp đặt
8	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 60		
9	Asen (As)	mg/l	≤ 0,25		
10	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,005		
11	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,5		
12	Cadmi (Cd)	mg/l	≤ 0,1		
13	Crom (VI)	mg/l	≤ 0,5		
14	Tổng Crom	mg/l	≤ 2,0		
15	Đồng (Cu)	mg/l	≤ 3,0		
16	Kẽm (Zn)	mg/l	≤ 5,0		
17	Niken (Ni)	mg/l	≤ 3,0		
18	Mangan (Mn)	mg/l	≤ 10		
19	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 10		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0		
21	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
22	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		
23	Sunfua	mg/l	≤ 0,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	≤ 40		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 6		
26	Coliform	MPN/10 0ml	≤ 5 000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý

- Dòng số 01: Nước thải từ nguồn số 01 → Bể tự hoại → Hố ga thu gom nước thải → Cống thu gom nước thải của CCN bằng HDPE, D300 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Dòng số 02: Nước thải từ nguồn số 02 → Bể tự hoại → Hố ga thu gom nước thải → Cống thu gom nước thải của CCN bằng HDPE, D300 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Dòng số 03: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp đạt tiêu chuẩn → Hố ga thu gom nước thải → Cống thu gom nước thải của CCN bằng HDPE, D300 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lắng 1 (lên men kỵ khí) → ngăn lắng 2 (lắng làm sạch, loại bỏ chất rắn lơ lửng) → hố ga gom nước thải chung của CCN.

- Công suất: 01 bể tại khu nhà điều hành, thể tích 15m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học được bổ sung vào bể tự hoại định kỳ 03 tháng/lần, khoảng 1.000g/lần.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm.

1.2.1. Trạm xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải thu gom từ sinh hoạt và sản xuất → Bể gom tổng → Bể lắng, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể trung hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Tháp lọc → Bể khử trùng → Bể gom sau xử lý → Mương quan trắc → Đường ống HDPE, D300 → Kênh mương Hoa Tuệ phía Đông dự án.

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày.đêm; gồm 03 modul, mỗi modul 200 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄, NaOH, NaOCl, Na₂S, PAC, Polyme (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Cạnh khu vực nhà điều hành HTXLNT, ngay sau bể gom nước sau xử lý, trước khi chảy vào Kênh mương Hoa Tuệ phía Đông dự án.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: 01 bộ. Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.
- Kết nối, truyền số liệu: Trước khi đi vào vận hành thử nghiệm Chủ dự án phải hoàn thành việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá để kiểm tra, xác nhận.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố đáy lót bạt HDPE, vị trí nằm trong khuôn viên khu đất của Trạm xử lý nước thải có tổng dung tích chứa 1.788,9m³ đảm bảo chống thấm, thời gian lưu nước thải tối thiểu 03 ngày khi có sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ứng phó sự cố:

- Trường hợp trạm XLNT tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về hồ sự cố có dung tích chứa 1.788,9m³ để lưu chứa. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống XLNT tập trung, vận hành lại hệ thống bình thường.
- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, sẽ ngừng tiếp nhận và đóng van đầu nối, không xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom của CCN Tư Sy.
- Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào lớn hơn công suất thiết kế: Xác định doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký; yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của trạm XLNT tập trung của CCN.
- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, sẽ được bơm chuyển tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.
- Đối với nước thải sau xử lý ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực, trong trường hợp nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép, Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tư Sy

- Nước thải sinh hoạt: Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp có phát sinh nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ qua các công trình bể tự hoại, bể tách mỡ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom về Trạm XLNT tập trung của dự án.

- Nước thải công nghiệp: Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp trong quá trình hoạt động sản xuất nếu có phát sinh nước thải công nghiệp, toàn bộ nước thải công nghiệp phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung. Cụ thể như bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6-9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	250
3	COD	mg/l	250
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
5	Màu	Pt/Co	200
6	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	150
7	Asen (As)	mg/l	0,25
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
9	Chì (Pb)	mg/l	0,5
10	Cadmi (Cd)	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,5
12	Tổng Crom	mg/l	2,0
13	Đồng (Cu)	mg/l	3,0
14	Kẽm (Zn)	mg/l	5,0
15	Niken (Ni)	mg/l	3,0
16	Mangan (Mn)	mg/l	10
17	Sắt (Fe)	mg/l	10
18	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
19	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	50
20	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	4,0
22	Tổng nitơ	mg/l	100
23	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	20

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Trạm xử lý nước thải tập trung với tổng công suất thiết kế là $600\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm 03 mô-đun độc lập (công suất mỗi mô-đun là $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$); thực hiện vận hành thử nghiệm đồng thời cả 03 mô-đun để đánh giá hiệu quả xử lý của toàn hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí số 01: Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải.
- Vị trí số 02: Nước thải đầu ra tại mương quan trắc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp thứ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 và 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối đa 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; dữ liệu quan trắc tự động phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3.6. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Hoàng Long chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 02**BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí, máy bơm của trạm XLNT tập trung.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Vị trí đặt trạm XLNTTT với toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°): X = 2208672.5866 (m), Y = 600125.8688 (m).

- Nguồn số 2: Vị trí đặt máy phát điện với toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°): X = 2209257.7865 (m), Y = 600165.1988 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
	70	60	-	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Chủ dự án phải kiểm tra định kỳ độ cân bằng của các máy móc và tình trạng mài mòn của các chi tiết đảm bảo máy vận hành ổn định, giảm tiếng ồn do sự va đập hoặc rung động không mong muốn.

1.2. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên vận hành máy móc, thiết bị của dự án.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu nhớt thải	17 02 04	20
2	Giẻ lau, bao tay, bao nilon, thùng nhựa dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	20
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	10
	Tổng khối lượng		50

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	10
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	10
3	Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa	1.500
	Tổng khối lượng	1.520 kg/năm

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
	Rác thải sinh hoạt	3,65

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.032,0
	Tổng khối lượng		1.032,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa dung tích 50-100 lít, có nắp đậy, bằng vật liệu bền đảm bảo ngăn ngừa rò rỉ chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho chứa CTNH Kho chứa rác thải diện tích 8m², chia thành 2 khoang chứa mỗi khoang có diện tích 4m² (Khoang chứa chất thải nguy hại có diện tích 4 m² và khoang chứa chất thải công nghiệp diện tích 4m²). Vị trí đặt tại giữa khu nhà bơm và nhà trạm quan trắc online.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa: Kho kín, nền bê tông chống thấm, có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có biển cảnh báo theo quy định và trang bị các trang thiết bị PCCC theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không có.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Bùn cặn từ bể tự hoại: Lưu trữ tại chỗ, thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Lá cây rụng, cành cây khi được cắt tỉa định kỳ thu gom cùng với chất thải sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Kho chứa rác thải diện tích 8m², chia thành 2 khoang chứa mỗi khoang có diện tích 4m² (khoang chứa chất thải nguy hại có diện tích 4 m² và khoang chứa chất thải công nghiệp diện tích 4m²). Vị trí đặt tại giữa khu nhà bơm và nhà trạm quan trắc online.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa: Kho kín, nền bê tông chống thấm, có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có biển cảnh báo theo quy định và trang bị các trang thiết bị PCCC theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng rác thải loại 20 lít được chia ngăn trong khuôn viên thuộc phạm vi quản lý của chủ đầu tư.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí khu vực lưu giữ tập trung chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 20m² tại phía Nam dự án, cạnh trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, sàn bê tông, cửa tôn khép kín đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 04
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát bao gồm khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải của máy phát điện. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.